TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21- 9-2018
V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Lèo
Ông Trần Văn Trọng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2018/TLST-HNGĐ ngày 4 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-HNGĐ ngày 6 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Bạch P- sinh năm: 1976 (Có mặt)

Nơi ĐKNKTT: KP 5, phường V, thị xã R, tỉnh Ninh Thuận.

Chổ ở hiện nay: tổ 2, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

-*Bị đơn:* Ông Phan Văn C - sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Nơi ĐKNKTT: KP 5, phường V, thị xã R, tỉnh Ninh Thuận.

Chổ ở hiện nay: tổ 2, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lê Thị Bạch P trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, vào năm 1993, bà Lê Thị Bạch P và ông Phan Văn C tự nguyện chung sống với nhau, có tổ C lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại

UBND phường V, thị xã R, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 146 quyển số 01-99 ngày 01 tháng 12 năm 1999.

Qúa trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, ông C nghiện rượu nên mỗi lần uống say là không tự chủ được hành vi của mình, thường có lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm danh dự và đánh đập bà P nhiều lần. Vì vậy, trong đời sống hôn nhân không hạnh phúc và hai vợ chồng đã nhiều lần phải ly thân với nhau. Từ tháng 3-2018, hai vợ chồng tiếp tục ly thân nhau, bà P bỏ về nhà cha mẹ ruột ở.

Nay, bà P xác định tình cảm dành cho ông C không còn nữa, đồng thời mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, kéo dài rất nhiều năm, hiện các con cũng đã trưởng thành nên cương quyết yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung là Phan Huy H, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1997 và Phan Thị Ngọc M, sinh ngày 16-01-1994. Các cháu hiện nay đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nên bà P không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Phan Văn C trong biên bản lấy lời khai và hòa giải tại Tòa trình bày:

Ông C khai thống nhất với lời trình bày của bà P về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Quá trình chung sống, ông C xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn là có thật. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, xảy ra nhiều bất đồng ý kiến trong cuộc sống, gia đình bà P không có thiện cảm với ông C nên thường tác động đến bà P làm cho hai người thường xuyên cãi vã. Ngoài ra, trong những lúc nóng giận, ông C không kìm chế được hành vi của mình nên có đánh bà P và bà P cũng đánh lại ông C rồi bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Sự việc xảy ra nhiều lần như thế nên mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng.

Ông C và bà P đã ly thân từ tháng 03/2018 đến nay. Qúa trình ly thân thì ông C có cố gắng đến để bàn chuyện hàn gắn nhưng bà P nhất quyết không đồng ý quay về đoàn tụ. Nay, ông C xác định vẫn còn yêu thương vợ, mong muốn quay về đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông C xác định vợ chồng có 02 người con chung là Phan Huy H, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1997 và Phan Thị Ngọc M, sinh ngày 16-01-1994. Các cháu hiện nay đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện VKS nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến*:**

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại

phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên hòa giải, tiếp cận chứng cứ và phiên tòa lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông C là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Phan Văn C hiện nay có nơi sinh sống, làm việc tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn ông Phan Văn C đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung:

[2.1] **Về yêu cầu ly hôn:**

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Bạch P và ông Phan Văn C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thị xã R, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 146 quyển số 01-99 ngày 01 tháng 12 năm 1999. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà P và ông C đều xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ rất nhiều năm do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, ông C thường xuyên đánh bà P. Vì vậy, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, phải nhiều lần ly thân với nhau và từ tháng 3 năm 2018 đến nay tiếp tục ly thân, không thể quay về đoàn tụ. Qúa trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần mời hai bên đến hòa giải nhằm tạo điều kiện để họ quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, ông C chỉ đến Tòa một lần duy nhất, sau đó bỏ mặc không đến để hòa giải và tham gia phiên tòa điều đó thể hiện ông C không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân, không còn quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng, bỏ mặc bà P muốn làm gì thì làm. Tại phiên tòa, bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu, xác định không còn tình cảm gì với ông C và cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét, tình cảm vợ chồng là sự tự nguyện giữa hai người, khi một bên không còn tình cảm gắn bó, không thể chung sống thuận hòa thì đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể xây dựng gia đình hạnh phúc. Do

đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 01 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[2.2] **Về con chung**: Bà P và ông C xác định vợ chồng có 02 người con chung là Phan Huy H, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1997 và Phan Thị Ngọc M, sinh ngày 16-01-1994. Các cháu hiện nay đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, hai bên không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà P và ông C đều không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Bạch P phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phan Văn C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Bạch P. Bà Lê Thị Bạch P được ly hôn với ông Phan Văn C.

2. *Về con chung*: Không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*:

- Bà Lê Thị Bạch P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2017/0000489 ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Phan Văn C không phải chịu án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị xã Tháp Chàm Phan Rang;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền